TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2025/DSST
Ngày: 16/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Lê Thị Thận;
2/ Bà Trần Thị Chín;
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2024/TLST – DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST - DS, ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa:
1/ Nguyên đơn: Bà Phí Thị Th, sinh năm: 1967
Nơi cư trú: khu phố 3, phường Phước L, tỉnh Đồng Nai
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm: 1962
Nơi cư trú: khu phố 4, phường Phước L, tỉnh Đồng Nai
2/ Bị đơn: Ông Điểu C, sinh năm: 1966
Bà Thị V, sinh năm: 1970
Anh Điểu D, sinh năm: 1986
Anh Điểu L, sinh năm: 1991
Cùng cư trú tại: Thôn Đak N, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm: 1977
Nơi cư trú: thôn Đức Ph, xã Bù Đ, tỉnh Đồng Nai
3/ Người làm chứng: bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1961
Nơi cư trú: khu phố 4, phường Phước L, tỉnh Đồng Nai
(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt; người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2024 của nguyên đơn bà Phí Thị Th và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bà Phí Thị Th là ông Nguyễn Hữu Th trình bày:

Ngày 09/4/2019 bà Phí Thị Th có cho gia đình ông Điểu C vay số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng). Các bên không thỏa thuận lãi suất. Việc vay tiền có làm giấy tờ vay. Khi vay không có thỏa thuận về thời hạn trả. Sau đó bà Phí Thị Th nhiều lần yêu cầu gia đình ông Điểu C trả nợ nhưng gia đình ông Điểu C không thanh toán xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Phí Thị Th. Vì vậy, bà Phí Thị Th khởi kiện yêu cầu ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D và anh Điểu L trả cho bà Phí Thị Th số tiền vay 1.100.000.000đ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Phí Thị Th là ông Nguyễn Hữu Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi bổ sung yêu cầu nào khác.

Đối với lời khai của bị đơn thì nguyên đơn thừa nhận từ năm 2010 thì bà Th đã cho ông Điểu C vay tiền nhưng đã được trả bằng hình thức bán điều bông cấn nợ, trừ tiền công và cấn nợ bằng hình thức chuyển nhượng QSDĐ. Còn số tiền 1.100.000.000đ là khoản vay mới của gia đình ông Điểu C không có dính dáng từ các khoản vay cũ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thành Th trình bày:

Trước đây gia đình ông Điểu C có vay tiền của bà Phí Thị Th với tổng số tiền là 450.000.000 đồng qua các lần vay tiền cụ thể như sau: Vào ngày 24/3/2012 (âm lịch) vay số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là 1 năm. Bà Th yêu cầu lãi suất cho vay là 50.000đ/ 1 triệu/ tháng. Vào khoảng năm 2013 có vay số tiền 350.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là 1 năm. Bà Th yêu cầu lãi suất cho vay là 50.000đ/ 1 triệu/ tháng.

Do gia đình ông Điểu C khó khăn nên từ khi vay đến năm 2016 ông Điểu C không có khả năng trả lãi và gốc cho bà Th. Đến ngày 22/6/2016 (dương lịch) bà Th có chốt lại tổng nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi là 1.050.000.000 đồng. Và yêu cầu gia đình ông Điểu C ký vào giấy nợ mới với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng. Bà Th yêu cầu lãi là 30.000đ/ 1 triệu/ tháng trên số nợ 1.500.000.000 đồng.

Sau đó ông Điểu C có bán điều bông với thời hạn là 02 năm cho bà Th đối với mảnh vườn có diện tích 08 sào với giá 40.000.000 đồng. Về thời gian cụ thể thì gia đình ông Điểu C không nhớ rõ. Bà Th nói sẽ lấy tiền bán điều bông để cấn trừ vào tiền lãi cho khoản vay. Ông Điểu C có làm thuê cho bà Th và được trả công số tiền 39.725.000 đồng. Bà Th cấn trừ vào tiền gia đình ông Điểu C đang còn nợ bà Th và bà Th có yêu cầu ông Điểu C viết lại giấy nợ mới với số tiền nợ là 1.460.275.000 đồng.

Đến tháng 5/2017 gia đình ông Điểu C thỏa thuận bán cho bà Th diện tích đất rẫy 08 sào (là đất đã bán điều bông cho bà Th) với giá 431.717.000 đồng. Tuy nhiên, bà Th nói số tiền bán đất trên sẽ cấn trừ vào tiền lãi và một phần tiền gốc. Sau đó bà

Th yêu cầu ông Điểu C viết lại giấy nợ mới với số tiền 1.451.075.000 đồng. Do không còn khả năng nên từ năm 2018 gia đình ông Điểu C không có tiền trả lãi cũng như trả lại tiền gốc cho bà Th. Đến năm 2019 bà Th có yêu cầu gia đình ông Điểu C cấn đất để trả nợ cho bà Th. Vào ngày 09/4/2019 bà Th đến nhà ông Điểu C thỏa thuận về việc cấn đất để trừ nợ. Bà Th nói nếu đồng ý bán đất thì sẽ ghi lại giấy nợ mới với số tiền còn nợ là 1.100.000.000 đồng. Vào ngày 09/4/2019 gia đình ông Điểu C đồng ý chuyển nhượng diện tích đất 02 ha tại thôn 5, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước, trên đất có trồng xen cây điều, cà phê và cao su cho bà Th với giá 1.000.000.000 đồng. Cùng ngày bà Th yêu cầu ông Điểu C viết lại giấy nợ mới với số tiền nợ là 1.100.000.000 đồng và có nói hai bên sẽ không đưa tiền chuyển nhượng mà sẽ cấn trừ vào số tiền 1.100.000.000 đồng mà gia đình ông C còn nợ.

Sau khi giải quyết xong số tiền nợ thì gia đình ông Điểu C và bà Th có lập giấy mua bán đất cũng vào ngày 09/4/2019 đối với diện tích đất 02 ha tại thôn 5, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước nêu trên. Sau đó gia đình ông Điểu C đã giao lại toàn bộ diện tích đất trên cho bà Th quản lý, sử dụng.

Bà Th khởi kiện để yêu cầu gia đình ông Điểu C trả lại số tiền nợ là 1.100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 09/4/2019, gia đình ông Điểu C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện trên. Vì khoản nợ trên gia đình ông Điểu C đã bán đất cho bà Th để cấn trừ nên không còn nợ bà Th bất kỳ khoản tiền nào. Từ khi bán đất cho bà Th để cấn trừ nợ đến nay gia đình ông Điểu C cũng không vay thêm tiền của bà Th. Nhận thấy việc khởi kiện của bà Th yêu cầu ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D và anh Điểu L phải trả nợ mặc dù đã nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Điểu C để cấn trừ nợ, tiền nợ đã được giải quyết xong nhưng nay lại khởi kiện để yêu cầu gia đình ông Điểu C tiếp tục trả nợ là đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Điểu C.

Nay ông Điểu C, bà Thị Vung A, anh Điểu Vung và anh Điểu L làm đơn phản tố này yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giải quyết Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy mua bán đất viết tay giữa ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L và bà Phí Thị Th lập ngày 09/4/2019 đối với diện tích đất 02 ha tọa lạc tại thôn 5, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phuớc. Diện tích đất có tứ ranh như sau: Phía Đông giáp diện tích đất của bà Hi; phía Tây giáp suối Đak Tr; phía Nam giáp diện tích đất ông M; phía Bắc giáp diện tích đất H. Đồng thời yêu cầu bà Phí Thị Th phải trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông Điểu C

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D và anh Điểu L trả số tiền vay 1.100.000.000đ cho bà Phí Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét: bà Phí Thị Th khởi kiện ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L yêu cầu trả số tiền vay 1.100.000.000đ đồng. ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Phí Thị Th. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L cư trú tại thôn Đak N, xã Đak Nh, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn Đak N, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai).

[2] Xét giao dịch giữa bà Phí Thị Th và ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L được xác lập ngày 09/4/2019. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Phí Thị Th yêu cầu ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L trả số tiền vay 1.100.000.000 đồng:

[3.1] bà Phí Thị Th khai nhận trong ngày 09/4/2019 thì ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu L và anh Điểu D vay lại của bà số tiền 1.100.000.000đ và các bên có lập giấy vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án, ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D và anh Điểu L không thừa nhận lời khai của bà Th. Ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D và anh Điểu L khai nhận số tiền 1.100.000.000đ là do xuất phát từ việc gia đình ông vay số tiền là 450.000.000đ vào năm 2012, năm 2013. Sau đó, qua nhiều lần trả tiền vay, tiền lãi bằng hình thức mua bán điều bông, sang nhượng QSDĐ tại suối Dak Tr, tiền làm công thì đến ngày 09/4/2019 bà Phí Thị Th chốt lại cho gia đình ông Điểu C số tiền còn nợ lại là 1.100.000.000đ và viết giấy vay tiền mới. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận bị đơn có vay số tiền 1.100.000.000đ của bà Th do xuất phát từ các giấy vay tiến từ trước. Như vậy, việc ông C, bà V, anh D và anh L cùng bà Th xác lập việc vay số tiền 1.100.000.000đ là có thật, không phải chứng minh.

[3.2] Về nguồn gốc của số tiền 1.100.000.000đ: bà Phí Thị Th khai nhận bà có cho gia đình ông Điểu C vay tiền từ năm 2010, năm 2012 và năm 2013 nhưng đã được gia đình ông C trả bằng hình thức cấn trừ vào tiền công và bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại suối Đak Tr và diện tích đất 02 ha. Sau đó, cùng ngày (ngày 09/4/2019) gia đình ông C vay của bà Th số tiền 1.100.000.000đ nên lập giấy vay tiền mới. Ông C không đồng ý lời khai của bà Th. Ông C khai nhận số tiền 1.100.000.000đ ban đầu xuất phát từ việc vay số tiền 450.000.000đ từ năm 2012, năm 2013. Sau đó, qua nhiều lần trả tiền vay, tiền lãi bằng hình thức mua bán điều bông, sang nhượng QSDĐ tại suối Dak Tr, tiền làm công thì đến ngày 09/4/2019 bà Phí Thị Th chốt lại cho gia đình ông Điểu C số tiền còn nợ lại là 1.100.000.000đ và đã được trả bằng hình thức bán diện tích đất 02 ha để cấn nợ. Tại khoản 2 Điều 91 của BLTTDS quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải*

thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Như vậy, nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu L và anh Điểu D. Xét thấy, ông C cung cấp cho Toà án giấy vay tiền từ năm 2012 đến năm 2017, giấy sang điều bông năm 2016 và giấy bán đất năm 2017, giấy bán đất năm 2019 để chứng minh cho lời khai của mình. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2024 ông C khai nhận: *"sau khi bán diện tích đất ở Đak Tr cho bà Th thì bà Th yêu cầu ông C viết giấy vay tiền mới với số tiền 1.451.075.000đ. Sau đó, gia đình ông không trả số tiền nào nữa. Đến ngày 09/4/2019 bà Th lên nhà yêu cầu viết tờ giấy mới với số tiền là 1.100.000.000đ và bán đất 02 ha để trả nợ".* Như vậy, theo lời khai của ông C thì ngày 09/5/2017 các bên đã chốt số tiền nợ là 1.451.075.000đ nhưng đến ngày 09/4/2019 thì số tiền nợ giảm xuống là 1.100.000.000đ, trong khi ông C thừa nhận từ năm 2017 đến năm 2019 thì gia đình ông C không có trả số tiền nào cũng không có đi làm công trừ nợ. Điều này là bất hợp lý. Bản thân ông C cũng không giải thích được lý do vì sao ngày 09/4/2017 lại chốt thành số tiền 1.100.000.000đ. Ngoài ra, ông C cũng không chứng minh được cũng như không chỉ ra được mối liên hệ giữa việc gia đình ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 02 với giá 500.000.000đ/ 1ha để cấn trừ số tiền 1.100.0000.000đ. Vì vậy, lời khai của ông Điểu C không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Trong giấy mượn tiền đề ngày 09/4/2019 có ghi nhận *"sau này có tiền trả dần dần".* Theo ý kiến của bị đơn thì gia đình ông C không có tiền để trả nên ông C chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Th chưa có quyền khởi kiện gia đình ông C. Xét, giấy mượn tiền ghi nhận *"sau này có tiền trả dần dần",* nhưng đây chỉ là cách thức trả. Mặt khác việc không có tiền không phải là điều kiện, là căn cứ để gia đình ông C từ chối thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra, đối với việc thỏa thuận *"sau này có tiền trả dần dần"* là sự thỏa thuận mơ hồ, không cụ thể, không thể thực hiện được nên thỏa thuận này không có giá trị. Bà Th cũng thừa nhận các bên không có thỏa thuận cụ thể thời hạn trả và không có thỏa thuận lãi thuộc trường hợp vay không có kỳ hạn và không có lãi. Tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý"*. Bà Th khai nhận năm 2019, năm 2020 thì bà có yêu cầu ông C trả nợ nhưng ông C không trả. Lời khai của bà Th phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị H. Như vậy, bà Th đã thực hiện nghĩa vụ thông báo cho người vay biết trước 1 thời gian hợp lý. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà Phí Thị Th về việc yêu cầu ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L trả số tiền vay 1.100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các nội dung khác:

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có nộp đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy mua bán đất viết tay giữa tôi và bà Phí Thị Th lập ngày 09/4/2019 đối với diện tích đất 02 ha tọa lạc tại thôn 5, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước và yêu cầu bà Th trả lại diện tích đất chuyển nhượng (là diện tích đất thỏa thuận chuyển nhượng đế cấn trừ nợ) nhưng

bị đơn không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định xem như từ bỏ yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.2] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[4.3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phí Thị Th về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L

Buộc bị đơn ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L liên đới trả cho nguyên đơn bà Phí Thị Th số tiền vay là 1.100.000.000 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Điểu C, bà Thị V, anh Điểu D, anh Điểu L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 45.000.000 đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phí Thị Th số tiền tạm ứng án phí là 22.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009356 ngày 08 tháng 10 năm 2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh